

Số: 1047/2024/QĐ-PT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT
ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số: 71/2024/QĐST-HC ngày 26 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ khoản 5 Điều 38, khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143, Điều 144, Điều 204, Điều 311 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số: 248/2024/TLHC-ST ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”, giữa:

* **Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị Lệ D; Địa chỉ: D D, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn A; Địa chỉ: D D, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

* **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là “UBND”) Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số H L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Năng K;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ L;

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc S;

4. Ông Nguyễn Văn T;

5. Ông Nguyễn Tấn T1;

6. Bà Nguyễn Ngọc Bình M;

Cùng địa chỉ: D D, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, bà L, bà S, ông T, ông T1, bà M:
Ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Lê D; Cùng địa chỉ: D D, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông Nguyễn Văn T2; Địa chỉ: D D, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. U, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số D D, phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của U: Ông Võ Đoàn T3; Chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị Quận H.

9. Công ty TNHH MTV D1; Địa chỉ: I đường P, phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV D1: Bà Phạm Thị Kim K1; Chức vụ: Trưởng phòng Quản lý nhà.

- Tại đơn kháng cáo ngày 08 tháng 5 năm 2024, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Lê D đã kháng cáo toàn bộ đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 248/2022/TLHC-ST ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, với lý do:

Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm trong quyết định đình chỉ vụ án là chưa phù hợp với quy định của pháp luật và các tình tiết khách quan có trong hồ sơ vụ án, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định mẹ bà D là bà Nguyễn Thị Đ đã biết Quyết định số 3207/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch UBND Thành phố H (sau đây gọi tắt là “*Quyết định 3207*”) về việc xác lập quyền sở hữu nhà của Nhà nước từ ngày 16 tháng 3 năm 2016 nên cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, bà D cho rằng nhận định nêu trên là chưa phù hợp với quy định của pháp luật và các tình tiết có trong hồ sơ vụ án, cụ thể:

Thứ nhất, bà Nguyễn Thị Đ là người bị tác động trực tiếp bởi Quyết định 3207, nhưng bà Đ không trực tiếp nhận được Quyết định 3207 vào năm 2016 mà mãi đến khi bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Thông báo số 3874/UBND ngày 01 tháng 11 năm 2018 và văn bản số 827/UBND ngày 26 tháng 3 năm 2019 của U, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại ngày 22 tháng 4 năm 2022 thì phía người khởi kiện mới được sao chụp và biết cụ thể về Quyết định 3207. Do đó, thời hiệu khởi kiện phải được tính từ ngày 22 tháng 4 năm 2022.

Thứ hai, bà Nguyễn Thị Đ không “biết được” Quyết định 3207 như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm, do:

Công văn số 160/UBND-QLĐT, Biên bản thỏa thuận số 27/DVCI và Hợp đồng thuê nhà số 348/HĐTĐ chỉ đề cập đến Quyết định 3207 như là một căn cứ để ban hành văn bản; trong tất cả các văn bản nêu trên đều không thể hiện cụ thể, chi tiết nội dung Quyết định 3207 (lý do của việc xác lập quyền sở hữu nhà của Nhà nước), do đó bà Đ không thể “biết” một cách tường tận Quyết định 3207. Hơn nữa, năm 2016 bà Đ đã 82 tuổi, trạng thái tinh thần không còn minh mẫn, không thể nắm và biết các quy định của pháp luật liên quan đến thời hiệu khởi kiện vụ án.

Vì thế, bà D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy toàn bộ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số: 71/2024/QĐST-HC ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số: 248/2022/TLHC-ST ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số: 71/2024/QĐST-HC ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa nhân dân Thành phố H.

XÉT THẤY:

[1] Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ D là hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ D, xét:

[2.1] Ngày 29 tháng 12 năm 2006, Chủ tịch UBND Thành phố H ban hành Quyết định 3207 về việc xác lập quyền sở hữu nhà của Nhà nước đối với nhà số F đường B, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12 tháng 02 năm 2015, bà Nguyễn Thị Đ có đơn xin thuê mặt bằng và đơn cam kết, cam đoan khi nào Nhà nước giải tỏa, bà Đ xin giao trả lại mặt bằng và không cho người khác thuê lại (có lời chứng của UBND phường A, Quận H).

Ngày 22 tháng 01 năm 2016, U có Công văn số 160/UBND-QLĐT về việc bà Nguyễn Thị Đ xin sử dụng nhà, đất số F đường B, phường A, Quận H. Theo đó, U yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ đóng tiền thuê nhà từ lúc xác lập, quyền sở hữu nhà của Nhà nước đến nay (theo đơn giá nhà ở) và ký hợp đồng thuê nhà với Công ty TNHH MTV D1 (theo đơn giá nhà sản xuất kinh doanh) đối với nhà, đất số F đường B, phường A, Quận H.

Ngày 16 tháng 3 năm 2016, Công ty TNHH MTV D1 ký Biên bản thỏa thuận số 27/DVCI với bà Nguyễn Thị Đ về việc thanh toán tiền thuê nhà đối với nhà, đất số F đường B, phường A, Quận H, với nội dung:

Thời điểm tính tiền thuê nhà: Từ tháng 01 năm 2007 đến tháng 12 năm 2015, giá thuê 164.056 đồng/tháng x 108 tháng = 17.718.048 đồng; Từ tháng 01 năm 2016 đến tháng 02 năm 2016, giá thuê 180.462 đồng/tháng x 02 tháng = 360.924 đồng; Lý do: Truy thu tiền thuê nhà đối với căn nhà số F đường B, phường A, Quận H. Biên bản có hiệu lực từ ngày ký.

Cùng ngày 16 tháng 3 năm 2016, Công ty TNHH MTV D1 ký Hợp đồng thuê nhà (nhà thuộc sở hữu Nhà nước - sử dụng để kinh doanh) số 348/HĐTN với bà Nguyễn Thị Đ về việc thuê mặt bằng số F đường B, phường A, Quận H, với nội dung: Diện tích sử dụng 28,31m², diện tích đất 51,93m²; Tiền thuê nhà, đất là 1.155.950 đồng/tháng. Thời hạn thuê 24 tháng từ ngày 02 tháng 3 năm 2016 đến ngày 02 tháng 3 năm 2018; với mục đích sản xuất kinh doanh.

Sau khi ký Biên bản và Hợp đồng thuê nhà, gia đình bà Đ thực hiện việc thuê nhà, đất số F, đường B, phường A, Quận H thuộc sở hữu Nhà nước và có đóng tiền thuê nhà, đất.

Như vậy, theo Công văn số 160/UBND-QLĐT ngày 22 tháng 01 năm 2016 của U, bà Đ đã biết phải đóng tiền thuê nhà, đất số 66C đường B, phường A, Quận H vì nhà thuộc sở hữu Nhà nước.

Tại Biên bản thỏa thuận số 27/DVCI và Hợp đồng thuê nhà số 348/HĐTN đều có nội dung: *“Căn cứ Quyết định 3207 về việc xác lập quyền sở hữu nhà của Nhà nước đối với căn nhà số F đường B, phường A, Quận H”*.

Vì thế, có cơ sở xác định bà Đ đã biết Quyết định 3207 từ ngày 16 tháng 3 năm 2016 và đây là quyết định xác lập quyền sở hữu nhà của Nhà nước đối với nhà số F, đường B, phường A, Quận H.

Năm 2017, U có chủ trương thu hồi mặt bằng để mở rộng chợ B, phường A, Quận H và thời hạn thuê nhà, đất cũng đã hết nên Công ty TNHH MTV D1 tiến hành thu hồi nhà, đất. Tính đến thời điểm này, gia đình bà Đ còn nợ 42 tháng tiền thuê nhà tính đến hết tháng 10 năm 2017 là 12.841.716 đồng (từ tháng 01 năm 2013 đến tháng 12 năm 2015 và từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 10 năm 2017), nhưng gia đình bà Đ không chấp hành việc giao trả nhà, đất.

[2.2] Với những chứng cứ và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính để quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm không có căn cứ nào mới, nên Hội đồng phiên họp thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của cấp sơ thẩm.

[2.3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí cho bà Nguyễn Thị Lê D do bà D là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 243 Luật Tố tụng hành chính năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ D, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 71/2024/QĐST-HC ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Lệ D được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS (2), VT (5), 20b, (TK-PH).

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Văn Tửu